

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
kỷ niệm 30 năm Quần thể Di tích Cố đô Huế (1993 - 2023)
và 20 năm Nhã nhạc - Âm nhạc Cung đình Việt Nam (2003 - 2023)
được UNESCO vinh danh là Di sản thế giới
(ban hành kèm theo Hướng dẫn 97-HD/BTGTU, ngày 31/5/2023
của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)

Phần thứ nhất
DI SẢN VĂN HÓA

I. DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI

1. Di sản văn hóa thế giới

Di sản văn hóa thế giới bao gồm di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên và di sản văn hóa phi vật thể, là tài sản vô cùng quý giá của loài người trong suốt bề dày lịch sử hàng ngàn năm. Trước tình trạng, nguy cơ bị xuống cấp, đe dọa bị hủy hoại hoặc biến mất, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp quốc (UNESCO) đã thông qua các công ước nhằm bảo vệ, gìn giữ và phát huy các giá trị di sản văn hóa của nhân loại.

Đến nay, Việt Nam đã phê chuẩn 4/5 Công ước về văn hóa của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) liên quan trực tiếp đến lĩnh vực di sản văn hóa: Công ước về các biện pháp ngăn cấm xuất nhập khẩu và chuyển giao trái phép quyền sở hữu tài sản văn hóa 1970, Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới 1972, Công ước Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể 2003, Công ước về Bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa 2005.

Ngày 16/11/1972, tại Kỳ họp lần thứ 17 diễn ra ở Thủ đô Paris (Cộng hòa Pháp), UNESCO đã thông qua Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Đây là Công ước quốc tế duy nhất kết hợp giữa việc bảo vệ di sản văn hóa và di sản thiên nhiên, có ảnh hưởng sâu rộng nhất, được các quốc gia thành viên nghiên cứu áp dụng trong việc bảo vệ và quản lý di sản thế giới. Đến năm 2020, đã có 194 quốc gia phê chuẩn và trở thành thành viên của Công ước này. Từ khi ra đời đến nay, sau 50 năm, Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới vẫn chưa thay đổi, với 08 Chương, 38 Điều, đề cập đến nhiều vấn đề quan trọng về Di sản Thế giới. Theo Công ước, những loại hình được coi như là **di sản văn hóa** bao gồm: (1) Di tích kiến trúc: các công trình kiến trúc, các công trình điêu khắc và hội họa kiến trúc, các bộ phận hoặc kết cấu có tính chất khảo cổ học, các bi ký, các hang động cư trú và những bộ phận kết hợp, mà xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật hoặc khoa học là có giá trị nổi tiếng toàn cầu; (2) Nhóm công trình xây dựng: các nhóm công trình riêng lẻ hoặc liên kết mà do tính chất kiến trúc, tính chất đồng nhất hoặc vị thế của chúng trong cảnh quan, xét theo quan điểm lịch sử, nghệ thuật hoặc khoa học là có giá trị nổi tiếng toàn cầu; (3) Các di chỉ: các công trình của con người

hoặc công trình kết hợp giữa con người và thiên nhiên, cũng như các khu vực có các di chỉ khảo cổ học mà xét theo quan điểm lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân học là có giá trị nổi tiếng toàn cầu. **Di sản thiên nhiên** bao gồm: (1) Các cấu tạo tự nhiên: bao gồm các thành tạo vật lý hoặc sinh học hoặc các nhóm có thành tạo thuộc loại đó mà xét theo quan điểm thẩm mỹ hoặc khoa học là có giá trị nổi tiếng toàn cầu; (2) Các thành tạo địa chất và địa văn và các khu vực được khoanh vùng chính xác làm nơi cư trú cho các loài động vật và thảo mộc bị đe dọa mà xét theo quan điểm khoa học hoặc bảo tồn là có giá trị nổi tiếng toàn cầu; (3) Các di chỉ tự nhiên hoặc các khu vực tự nhiên đã được khoanh vùng cụ thể mà xét theo quan điểm khoa học, bảo tồn hoặc vẻ đẹp thiên nhiên là có giá trị nổi tiếng toàn cầu. Công ước cũng đặt ra nhiệm vụ của các quốc gia thành viên trong việc bảo vệ, giữ gìn các di sản được vinh danh; thực hiện nghiên cứu khoa học, kỹ thuật để áp dụng các biện pháp giúp các Di sản tạo ra sinh kế cho người dân.

Ngày 17/10/2003, tại Kỳ họp lần thứ 32 diễn ra ở Thủ đô Paris (Cộng hòa Pháp), UNESCO đã thông qua Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Hiện có 181 quốc gia thuộc UNESCO đã phê chuẩn công ước này và cả 181 quốc gia thành viên của Công ước đều có ít nhất một chương trình được công nhận di sản văn hóa phi vật thể. Theo Công ước này, **Di sản văn hóa phi vật thể** được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần di sản văn hóa của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người. Vì những mục đích của Công ước này, chỉ xét đến những di sản văn hóa phi vật thể phù hợp với các văn kiện Quốc tế hiện hành về quyền con người, cũng như những yêu cầu về sự tôn trọng lẫn nhau giữa các cộng đồng, các nhóm người và cá nhân, và về phát triển bền vững; được thể hiện ở những hình thức sau: (1) Các truyền thống và biểu đạt truyền khẩu, trong đó ngôn ngữ là phương tiện của di sản văn hóa phi vật thể; (2) Nghệ thuật trình diễn; (3) Tập quán xã hội, tín ngưỡng và các lễ hội; (4) Tri thức và tập quán liên quan đến tự nhiên và vũ trụ; (5) Nghề thủ công truyền thống.

II. VIỆT NAM VỚI VIỆC THỰC HIỆN CÁC CÔNG ƯỚC VỀ BẢO VỆ DI SẢN VĂN HÓA VÀ THIÊN NHIÊN THẾ GIỚI, DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Nhận thức được tầm quan trọng của các di sản văn hóa, ngay từ những ngày đầu thành lập nước, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm tới việc bảo tồn và phát

huy giá trị của các di sản văn hóa. Ngày 23/11/1945, Chủ tịch Chính phủ Lâm thời Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 65/SL “*Án định nhiệm vụ của Đông Phương Bác cổ Học viện*” - đây là văn bản đầu tiên của Nhà nước ta về việc bảo tồn di sản văn hóa dân tộc. Sắc lệnh số 65/SL khẳng định việc bảo tồn cổ tích “*là công việc rất quan trọng và rất cần thiết cho công cuộc kiến thiết nước Việt Nam*”. Đông Phương Bác cổ Học Viện có nhiệm vụ bảo tồn cổ tích trong toàn cõi Việt Nam, thay thế cho Pháp Quốc Viễn Đông Bác cổ Học viện bị bãi bỏ; giữ nguyên các luật lệ về bảo tồn cổ tích đã có trước đây; cấm phá hủy những đình, chùa, đền, miếu hoặc những nơi thờ tự khác, những cung điện, thành quách cùng lăng mộ chưa được bảo tồn, những bi ký, đồ vật, chiếu sắc, văn bằng, giấy má, sách vở có tính cách tôn giáo hay không, nhưng có ích cho lịch sử mà chưa được bảo tồn. Sắc lệnh số 65/SL đã phản ánh những tư tưởng, quan điểm rất cơ bản, sâu sắc của Nhà nước ta đối với việc bảo tồn di sản văn hóa, cho đến nay vẫn giữ nguyên ý nghĩa lý luận và thực tiễn, soi sáng cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của đất nước.

Sau Sắc lệnh số 65/SL, ngày 29/10/1957, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 519-TTg “*Về bảo vệ di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh*” giúp bảo vệ những di tích quan trọng nhất của đất nước. Pháp lệnh Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh do Hội đồng Nhà nước công bố ngày 04/4/1984 cũng đã chứng tỏ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với công tác giữ gìn di sản văn hóa của dân tộc.

Việt Nam là thành viên của Tổ chức UNESCO từ năm 1976. Ngày 19/10/1987, Việt Nam chính thức phê chuẩn tham gia Công ước về bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Kể từ khi tham gia Công ước này cho đến nay, Việt Nam đã có 08 di sản văn hóa, thiên nhiên và hỗn hợp được ghi vào Danh mục di sản thế giới. Năm 1993, Quần thể di tích Cố đô Huế là di sản văn hóa đầu tiên của Việt Nam được ghi danh vào Danh mục di sản thế giới, với giá trị nổi bật toàn cầu biểu trưng cho sự nổi bật về uy quyền của một đế chế phong kiến đã mất của Việt Nam vào thời kỳ hưng thịnh nhất của nó đầu thế kỷ XIX - một điển hình nổi bật của Kinh đô phong kiến phương Đông. Vịnh Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh, hai lần được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới với những giá trị nổi bật toàn cầu về cảnh quan tự nhiên (17/12/1994) và giá trị về địa chất, địa mạo (02/12/2000). Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn thuộc tỉnh Quảng Nam, được UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa thế giới vào ngày 01/12/1999 với những đặc điểm nổi bật về sự giao lưu văn hóa với sự hội nhập văn hóa bản địa, phản ánh sinh động tiến trình phát triển của lịch sử văn hóa Chăm-pa trong lịch sử văn hóa Đông Nam Á. Đô thị cổ Hội An cũng thuộc tỉnh Quảng Nam, được UNESCO ghi danh vào danh sách Di sản văn hóa thế giới vào ngày 01/12/1999 với giá trị nổi bật toàn cầu về sự biểu thị vật chất nổi bật của sự hòa trộn các nền văn hóa vượt thời gian tại một thương cảng quốc tế, là một điển hình nổi bật về bảo tồn một thương cảng Châu Á cổ

truyền. Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng thuộc tỉnh Quảng Bình, hai lần được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới, với những giá trị toàn cầu về địa chất, địa mạo (năm 2003), giá trị về hệ sinh thái và đa dạng sinh học (năm 2015). Hoàng Thành Thăng Long ở Thủ đô Hà Nội, được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới với những giá trị nổi bật toàn cầu được ghi nhận bởi 3 đặc điểm nổi bật: chiều dài lịch sử văn hóa suốt 13 thế kỷ, tính liên tục của di sản với tư cách là một trung tâm quyền lực và các tầng di tích di vật đa dạng, phong phú, sinh động. Thành nhà Hồ thuộc tỉnh Thanh Hóa, được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới vì những giá trị văn hóa, lịch sử cùng kỹ thuật xây dựng độc đáo. Quần thể danh thắng Tràng An thuộc tỉnh Ninh Bình, được UNESCO công nhận là di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới vào ngày 23/6/2014, là di sản hỗn hợp duy nhất của Việt Nam đáp ứng các tiêu chí nổi bật toàn cầu về: văn hóa - vẻ đẹp thẩm mỹ và địa chất - địa mạo. Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang chỉ đạo các địa phương tiếp tục nghiên cứu, lập hồ sơ trình UNESCO công nhận Di sản thế giới Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh) mở rộng sang quần đảo Cát Bà (Hải Phòng), Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử, Vĩnh Nghiêm, Côn Sơn - Kiếp Bạc (Quảng Ninh, Bắc Giang, Hải Dương), Khu di sản thiên nhiên Ba Bể - Na Hang (Bắc Kạn, Tuyên Quang), di tích văn hóa Óc Eo (An Giang).

Cũng từ sau thời điểm 1987, Việt Nam đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng về nhận thức, lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Hệ thống pháp luật về di sản văn hóa được xây dựng tiệm cận với tinh thần của Công ước 1972, dựa trên điều kiện thực tế về chính trị, kinh tế, xã hội tại nước ta. Bộ máy quản lý di sản thế giới từ Trung ương đến địa phương cũng dần được củng cố, hoàn thiện qua các năm. Đồng thời, các nguồn lực để bảo vệ di sản thế giới được ưu tiên, huy động tối đa; đồng thời luôn tranh thủ sự ủng hộ từ xã hội cùng với các nguồn hỗ trợ quốc tế khác nhằm bảo vệ di sản.

Ngày 05/9/2005, Việt Nam tiếp tục tham gia và đã trở thành một trong 30 quốc gia đầu tiên gia nhập Công ước 2003 của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Năm 2011, Hát Xoan Phú Thọ là di sản phi vật thể đầu tiên của Việt Nam đã được UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp. Đến tháng 12/2017, Hát Xoan Phú Thọ trở thành di sản đầu tiên được UNESCO đưa ra khỏi Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp và sau đó ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Đến nay, Việt Nam đã có 15 di sản được UNESCO ghi danh vào các Danh sách (bao gồm 14 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và 01 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp). Các di sản được ghi danh phân bố ở nhiều tỉnh, thành phố trong nước với nhiều chủ thể là đồng bào các dân tộc khác nhau. Việt Nam đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia đối với từng di sản, đồng thời các

ting, thành phố có di sản được ghi danh đã xây dựng các dự án, đề án bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh theo các giai đoạn khác nhau. Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý danh sách dự kiến xây dựng Hồ sơ trình UNESCO đối với 26 di sản văn hóa phi vật thể. Hiện UNESCO đang xem xét theo lộ trình 03 Hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam đã trình trong thời gian vừa qua là: Nghề làm gốm của người Chăm, Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ và Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam. 4 di sản văn hóa phi vật thể đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép và đang xây dựng hồ sơ trình UNESCO ghi danh vào các danh sách gồm: Mo Mường, Nghệ thuật Sơn Mài, Võ cổ truyền Bình Định, Nghệ thuật Chèo Châu thổ sông Hồng. Bên cạnh đó, có 5 di sản đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép nhưng chưa triển khai xây dựng Hồ sơ: Nghệ thuật truyền khẩu Sử thi Tây Nguyên, Múa rối nước Đồng bằng Bắc Bộ, Nghệ thuật Dù kê của người Khmer Nam Bộ, Tri thức và kỹ thuật Thổ canh hóc đá của các dân tộc thiểu số ở cao nguyên đá Hà Giang, Nghi lễ Quá tặng (lễ cấp sắc) của người Dao. Với 15 di sản phi vật thể đã được UNESCO ghi danh, Việt Nam là một trong số những quốc gia giàu tài nguyên văn hóa cộng đồng hết sức độc đáo trên thế giới. Các di sản văn hóa này cùng với hệ giá trị đậm đà bản sắc đã được hun đúc, định hình nên hồn cốt dân tộc qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước, giữ nước với bao thăng trầm.

Việt Nam hiện có hơn 40.000 di tích, trong số đó, có hơn 10.000 di tích cấp tỉnh, 3.614 di tích quốc gia, 128 di tích quốc gia đặc biệt, 8 Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Từ khi Luật Di sản văn hóa có hiệu lực thi hành đến nay, đã có khoảng 70.000 di sản văn hóa phi vật thể trên cả nước được kiểm kê, 483 di sản được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, 15 di sản văn hóa phi vật thể và 9 di sản tư liệu của Việt Nam đã được UNESCO ghi danh.

Các chủ thể di sản văn hóa, các nghệ nhân nắm giữ di sản cũng được quan tâm, tạo điều kiện để thực hành và trao truyền, phát huy giá trị di sản. Sau 3 đợt xét phong tặng danh hiệu (năm 2015, 2019 và 2022), đã có 1.881 cá nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu, trong đó, có 131 Nghệ nhân Nhân dân và 1.619 Nghệ nhân Ưu tú trong lĩnh vực Di sản văn hóa phi vật thể. Về phía Hội đồng thuộc lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống, cũng đã có 17 Nghệ nhân Nhân dân, 120 Nghệ nhân Ưu tú được phong tặng.

Trong khuôn khổ cơ chế UNESCO nói chung và Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới cũng như Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể nói riêng, Việt Nam là thành viên có trách nhiệm, uy tín, luôn hoàn thành tốt, chất lượng các nghĩa vụ thành viên, được cộng đồng quốc tế công nhận, đánh giá cao. Thực tế, Việt Nam đã thể hiện tinh thần và trách nhiệm của mình trong thúc đẩy sự phát triển các công ước UNESCO. Việt Nam đã 5 lần đảm nhiệm vai trò thành viên Hội đồng Chấp hành UNESCO và được tín nhiệm bầu là thành viên Ủy ban Di sản

thế giới (nhiệm kỳ 2013 - 2017), Ủy ban liên Chính phủ Công ước UNESCO 2003 (nhiệm kỳ 2006 - 2010 và nhiệm kỳ 2022 - 2026), Ủy ban liên Chính phủ Công ước 2005 (nhiệm kỳ 2021 - 2025). Những nỗ lực của Việt Nam trong bảo tồn di sản văn hóa đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Việt Nam là một trong những nước nỗ lực tham gia vào quá trình soạn thảo và sớm phê chuẩn Công ước 2005 về bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa. Trong giai đoạn 2013 - 2017, Việt Nam đã thể hiện vai trò, đóng góp, trách nhiệm của mình, cùng cộng đồng quốc tế tôn vinh, phát huy hơn nữa giá trị của Công ước đặc biệt quan trọng này, quảng bá rộng rãi những thành tựu của Việt Nam trong bảo tồn và phát huy di sản thế giới tới các nước thành viên UNESCO và đông đảo cộng đồng quốc tế, khẳng định vị thế của Việt Nam trong khuôn khổ cơ chế UNESCO, cụ thể hóa các biện pháp triển khai thực hiện Bản Ghi nhớ hợp tác Việt Nam - UNESCO giai đoạn 2021 - 2025. Đặc biệt, tại Kỳ họp Đại hội đồng lần thứ 9 các quốc gia thành viên Công ước 2003 vào tháng 7/2022, Việt Nam tiếp tục trúng cử Ủy ban Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO nhiệm kỳ 2022 - 2026 với số phiếu cao nhất. Đây là lần thứ hai Việt Nam đảm nhận trọng trách này tại cơ quan điều hành then chốt về văn hóa của UNESCO. Điều này có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt, thể hiện vị thế và uy tín ngày càng cao của đất nước trên trường quốc tế, thể hiện sự tin tưởng của cộng đồng quốc tế đối với khả năng đóng góp và năng lực điều hành của Việt Nam tại các thể chế đa phương toàn cầu; sự ghi nhận những đóng góp của Việt Nam trong quan hệ với UNESCO, trong gìn giữ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản phi vật thể trong nước và trên thế giới. Đây cũng là kết quả của đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa và hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng của Việt Nam, đồng thời là kết quả của quá trình triển khai bài bản và đồng bộ kế hoạch ứng cử của Việt Nam trong những năm vừa qua. Là thành viên Ủy ban liên Chính phủ nhiệm kỳ 2022 - 2026, Việt Nam có điều kiện thuận lợi để đóng góp nhiều hơn nữa cho việc hoàn thiện, thực hiện các mục tiêu và ưu tiên của Công ước 2003; nâng tầm quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể. Đây không chỉ là nguồn lực thiết yếu cho đa dạng văn hóa, sáng tạo, đối thoại giữa các nền văn hóa và gắn kết xã hội mà còn là động lực cho sự phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII ngày 16/7/1998 đã xác định phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; một trong những nhiệm vụ cụ thể thời gian tới là “*Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa*”. Năm 2001, Quốc hội Việt Nam khóa X đã thông qua Luật Di sản văn hóa (có hiệu lực từ ngày 01/01/2002), đánh dấu một dấu mốc quan trọng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về di sản văn hóa, tạo ra hành lang pháp lý quan trọng để quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các Di sản thế giới ở Việt Nam. Trong Luật Di sản Văn hóa, lần đầu tiên các di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào. Việt Nam là một trong những quốc gia sớm đưa nội dung về di sản văn hóa phi vật thể vào Luật Di

sản văn hóa (2001, 2009), dành riêng 1 chương để quy định về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể. Điều đó đã góp phần quan trọng vào thành quả bảo vệ di sản văn hóa trong suốt 20 năm qua, làm cân bằng hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, phù hợp với tinh thần, quy định của Công ước 2003, được quốc tế đánh giá cao, góp phần bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, tạo bức tranh chung, đa dạng văn hóa của nhân loại.

Nhằm động viên các tầng lớp xã hội tham gia tích cực vào sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, ngày 24/02/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 36/2005/QĐ-TTg về việc lấy ngày 23/11 hàng năm là “Ngày Di sản Văn hóa Việt Nam”.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nguyễn Phú Trọng cũng đã khẳng định: “...*Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại. Phát triển “sức mạnh mềm” của văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia trong thời gian tới... Đó là một tài sản vô cùng quý báu do Tổ tiên, Cha ông ta mấy nghìn năm để lại, không phải nơi nào cũng có được; chúng ta có trách nhiệm phải giữ gìn, trân trọng và phát huy*”.

Theo thống kê, Việt Nam hiện có hơn 40.000 di tích, trong số đó, có hơn 10.000 di tích cấp tỉnh, 3.614 di tích quốc gia, 128 di tích quốc gia đặc biệt, 8 Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Từ khi Luật Di sản văn hóa có hiệu lực thi hành đến nay, đã có khoảng 70.000 di sản văn hóa phi vật thể trên cả nước được kiểm kê, 483 di sản được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, 15 di sản văn hóa phi vật thể và 9 di sản tư liệu của Việt Nam đã được UNESCO ghi danh.

Đầu tháng 9/2022, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam đã phối hợp với tỉnh Ninh Bình tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (Công ước 1972), với chủ đề “50 năm tới - Di sản thế giới, nguồn lực cho tự cường, tinh nhân văn và đổi mới sáng tạo”. Tháng 4/2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam đã phối hợp với tỉnh Phú Thọ tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm Công ước 2003 của UNESCO và Liên hoan Di sản Văn hóa phi vật thể Việt Nam được UNESCO ghi danh trong khuôn khổ Lễ hội Đền Hùng - Tuần Văn hóa - Du lịch Đất Tổ năm 2023. Những hoạt động này vừa thể hiện vai trò, trách nhiệm của Việt Nam, vừa góp phần tăng cường phối hợp với UNESCO và các cơ quan, tổ chức, quốc gia thành viên trong việc thúc đẩy thực hiện các Công ước, nâng cao năng lực bảo vệ di sản văn hóa, di sản thiên nhiên và di sản phi vật thể của nhân loại.

Những dấu mốc quan trọng trong hành trình thực hiện các Công ước của UNESCO về di sản văn hóa đã ghi nhận sự hội nhập, xác định vai trò quốc tế của Việt Nam trên lĩnh vực bảo vệ di sản văn hóa. Các di sản văn hóa nói chung, các di sản thế giới nói riêng tại Việt Nam đã đóng góp hiệu quả, tích cực vào sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội, tạo việc làm tại địa phương, cộng đồng, góp phần phát triển du lịch, thương mại, đầu tư, quảng bá hình ảnh quốc gia, văn hóa, lịch sử, truyền thống của Việt Nam tới bạn bè quốc tế. Có thể nói, các di sản văn hóa đã và đang phát huy hiệu quả giá trị trong đời sống, là nguồn lực tinh thần, vật chất, tài sản... của cộng đồng, quốc gia, dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

Phần thứ hai

30 NĂM QUẢN THỂ DI TÍCH CỔ ĐÔ HUẾ (1993 - 2023), 20 NĂM NHẢ NHẠC - ÂM NHẠC CUNG ĐÌNH VIỆT NAM (2003 - 2023) ĐƯỢC UNESCO CÔNG NHẬN LÀ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI

I. 30 NĂM QUẢN THỂ DI TÍCH CỔ ĐÔ HUẾ ĐƯỢC UNESCO CÔNG NHẬN LÀ DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI (1993 - 2023)

Trong hơn 300 năm (1636 - 1945), Huế đã từng là Thủ phủ của 9 đời chúa Nguyễn ở Đàng Trong (1636 - 1775), là Kinh đô của triều đại Tây Sơn (1788 - 1801), rồi đến Kinh đô của quốc gia thống nhất dưới thời 13 triều vua Nguyễn (1802 - 1945). Với tư cách là Kinh đô, Phú Xuân - Huế là nơi hội tụ tinh hoa của dân tộc Việt Nam, cũng là nơi gặp gỡ, giao lưu các luồng văn minh nhân loại. Trong các cổ đô của Việt Nam, Huế là cổ đô duy nhất còn bảo lưu được khá nguyên vẹn tổng thể kiến trúc nghệ thuật cung đình với hệ thống thành quách, cung điện, đền đài, lăng tẩm, với những di sản văn hóa phi vật thể, chứa đựng nhiều giá trị biểu trưng cho trí tuệ và tâm hồn của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, trải qua các cuộc chiến tranh, sự khắc nghiệt của thời tiết, thiên nhiên và những biến động của lịch sử, kho tàng di sản ấy đã bị tàn phá rất nặng nề. Gần 2/3 số công trình nằm trong Quần thể Di tích Cổ đô Huế đã trở thành phế tích; số còn tồn tại cũng ở trong tình trạng bị hư hại nghiêm trọng. Các di sản phi vật thể cũng bị mai một, thất tán. Hệ thống lễ hội cung đình đã không còn tồn tại sau khi triều Nguyễn chấm dứt; các hình thức diễn xướng cung đình tàn mất và dần đi vào đời sống dân gian.

1. Công tác phục hồi, bảo tồn và phát huy Quần thể di tích Cổ đô Huế trước khi được UNESCO vinh danh

Xác định rõ tầm quan trọng và tính cấp bách của việc bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa, mặc dù còn nhiều khó khăn chông chát do phải khắc phục hậu quả của chiến tranh, thiên tai, Đảng và Nhà nước đã tập trung cho công tác bảo vệ, gìn giữ các di sản văn hóa, trong đó có Quần thể di tích cổ đô Huế và các di sản văn hóa phi vật thể. Tháng 5/1976, UBND Cách mạng Bình Trị Thiên đã ban hành

quyết định xác nhận tạm thời các cơ sở văn hóa công cộng, ghi tên 35 di tích danh thắng trên địa bàn. Năm 1979, 04 di tích Hoàng Thành - Đại Nội, lăng Minh Mạng, lăng Tự Đức và lăng Khải Định đã được đặc cách công nhận là di tích cấp quốc gia. Năm 1981, Tổng Giám đốc UNESCO đã phát lời kêu gọi cứu vãn di sản văn hóa Huế; tỉnh đã xây dựng và tổ chức thực hiện những chiến lược và quyết sách mới trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản gắn với những định hướng cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Năm 1982, thành lập Công ty Quản lý Di tích Lịch sử và Văn hóa Huế (10 năm sau đổi tên thành Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế, là một đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh), nhằm quản lý một cách toàn diện Quần thể di tích cố đô. Cho đến năm 1991, hầu hết các di tích quan trọng đã được lập hồ sơ khoanh vùng bảo vệ (căn cứ theo Pháp lệnh Bảo vệ di tích năm 1984).

2. 30 năm Quần thể di tích Cố đô Huế được UNESCO vinh danh là Di sản thế giới

Năm 1992, bộ hồ sơ khoa học mang tính tổng thể về di tích cố đô Huế đã được thiết lập và trình lên Ủy ban Di sản thế giới của UNESCO.

Ngày 11/12/1993, Quần thể Di tích Cố đô Huế được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới. Đây là sự kiện có ý nghĩa trọng đại, không những nâng cao vị thế của Việt Nam trên thế giới mà còn tôn vinh giá trị của di sản văn hóa Việt Nam lên tầm cao mới; góp phần mở ra những triển vọng cho công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị của các tài nguyên đặc biệt này.

Ngày 12/02/1996, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 105/TTg phê duyệt Đề án Quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị Di tích Cố đô Huế giai đoạn 1996 - 2010. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Thừa Thiên Huế triển khai thực hiện Chiến lược bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong suốt 15 năm đầu tiên sau khi Quần thể Di tích Cố đô Huế được công nhận là Di sản thế giới. Sau đó, tỉnh đã ban hành Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 30/7/2001 để tổ chức thực hiện *Dự án quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Di tích Cố đô Huế giai đoạn 1996 - 2010*. Ngày 25/8/2008, Chính phủ đã phê duyệt Đề án *Xây dựng Huế trở thành Thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam*. Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án *Xây dựng Huế thành một trong những trung tâm văn hóa du lịch lớn của cả nước*. Đặc biệt, với Kết luận 48-KL/TW, ngày 25/5/2009 của Bộ Chính trị về *Xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và đô thị Huế đến năm 2020*, công tác bảo tồn và phát huy giá trị Di tích cố đô Huế ngày càng có những điều kiện thuận lợi. Ngày 17/6/2009, Chính phủ phê duyệt *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020*. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 818/TTg *Phê duyệt dự án điều chỉnh Quy hoạch, bảo tồn và phát huy giá trị Di tích Cố đô Huế giai đoạn 2010 - 2020*. Công cuộc bảo tồn Di tích Cố đô Huế từ đó đã được triển khai, vượt qua giai đoạn cứu nguy khẩn cấp và đang từng bước được hồi sinh, diện mạo ban

đầu của một Cố đô lịch sử dần dần được phục hồi. Đặc biệt, việc bảo tồn các giá trị di sản văn hóa đã luôn luôn gắn chặt với quá trình khai thác, phát huy và tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực miền Trung. Tinh hoa của Huế tưởng chừng bị mai một đã dần dần sống lại trong sinh hoạt cộng đồng, trong nếp nghĩ và việc làm hàng ngày của người dân Huế. Từ đó khôi phục lại diện mạo ban đầu và nâng lên tầm cao mới những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của một kinh đô lịch sử, tạo niềm tin to lớn cho sự nghiệp phát triển văn hóa - du lịch, góp phần mở rộng giao lưu và hội nhập vào đời sống của văn hóa cộng đồng Việt Nam. Trong đó, việc định hướng giá trị di sản văn hóa Huế và tác động của nó đối với sự phát triển của Thừa Thiên Huế ngày một rõ ràng và hiệu quả hơn. Hình ảnh di sản văn hóa Huế trong bối cảnh hội nhập và phát triển bền vững ngày càng rõ nét, góp phần không nhỏ vào việc giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc, phục vụ phát triển du lịch, không ngừng nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân và đặc biệt là chiếm được cảm tình của du khách trong nước cũng như bạn bè trên khắp thế giới.

Đến nay, đã có hơn 200 công trình, trong đó có nhiều công trình tiêu biểu đã được tu bổ, phục dựng, như: Ngọ Môn, điện Thái Hòa, Hiển Lâm Các, cụm di tích Thế Miếu, cung Diên Thọ, Duyệt Thị Đường, cung Trường Sanh, hệ thống Trường lang (Tử Cấm Thành), Phu Văn Lâu, Nhật Thành Lâu, Triệu Miếu, lăng vua Gia Long, lăng Tự Đức, lăng Minh Mạng, lăng Thiệu Trị, lăng Đồng Khánh, lăng Dục Đức, điện Thái Hòa, Ngọ Môn, Cung Diên Thọ, Điện Thọ Ninh, phục dựng lầu Kiến Trung, Đàn Nam Giao, Tu bổ, phục hồi, tôn tạo Hải Vân Quan... Các di tích được bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo đều bảo đảm nguyên tắc khoa học về bảo tồn của quốc gia và quốc tế, trở thành những sản phẩm du lịch hấp dẫn, thu hút khách du lịch đến với Cố đô Huế ngày càng tăng, tạo nguồn doanh thu, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và tái đầu tư cho hoạt động bảo tồn di sản, như: Duyệt Thị Đường, Minh Khiêm Đường, Quảng trường Ngọ Môn - Kỳ Đài, hạ tầng Đại Nội, các lăng...

Việc bảo tồn, tôn tạo cảnh quan môi trường các khu di sản được chuyên môn hóa. Cơ sở hạ tầng các khu di tích, như: Hệ thống đường, điện chiếu sáng khu vực Đại Nội, Quảng trường Ngọ Môn - Kỳ Đài, điện đường đến các lăng Gia Long, Minh Mạng, Tự Đức, Khải Định, Đồng Khánh... đã dần được nâng cấp. Hệ thống sân vườn, cảnh quan di tích, như: Hưng Miếu, Thế Miếu, cung Diên Thọ, Trường Sanh, vườn Cơ Hạ, vườn Thiệu Phương, cung An Định...; hệ thống phòng chống hỏa, chống sét, nhà vệ sinh cơ bản được tu bổ hoàn nguyên hoặc xây dựng hoàn thiện. Phần lớn các di tích chính đã được đầu tư tu bổ, tôn tạo hệ thống sân vườn, cảnh quan và trồng cây bổ sung ở các khu vực đệm (trồng lại vành đai xanh lăng vua Minh Mạng, tôn tạo phục hồi cảnh quan vườn Cơ Hạ...), nâng cấp cơ sở hạ tầng và các trục đường thành phố Huế, các trục đường trong Kinh Thành, đường

đến một số diềm di tích. Bên cạnh đó, việc chỉnh trang, tôn tạo hai bên bờ sông Hương, nạo vét sông Ngự Hà và tu bổ kè Hộ Thành Hào, giải tỏa hàng trăm hộ dân (Gần 300 hộ dân ở khu vực Bến Me và Hộ Thành Hào, hơn 50 hộ dân ở Thượng thành mặt Nam, hàng chục hộ dân ở đàn Xã Tắc, Võ Miếu, gần 100 hộ dân dọc theo Ngự Hà...) đã làm thu hẹp không gian hoang phế, từng bước trả lại giá trị cảnh quan vốn có của Cố đô Huế.

Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế hiện có khoảng hơn 11.200 hiện vật thời Nguyễn, trong đó có 08 nhóm, bao gồm 33 đơn vị cổ vật đã được công nhận là Bảo vật quốc gia, gồm: Cờ đỉnh, Cờ vị thần công, chuông chùa Thiên Mục, ngai vua triều Nguyễn, áo Tế Giao của vua Nguyễn, bia Khiêm Cung Ký, vạc đồng thời chúa Nguyễn (bộ sưu tập) và bia "*Ngự kiến Thiên Mục Tự*". Việc sưu tầm cổ vật triều Nguyễn được quan tâm. Hằng năm, Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế dành một phần kinh phí để mua cổ vật; đồng thời đẩy mạnh công tác xã hội hóa, khuyến khích cá nhân, tổ chức hiến tặng, chuyển nhượng cổ vật. Từ năm 2002 đến nay, Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế đã tiếp nhận nhiều cổ vật hiến tặng, gồm đồ gỗ (bàn, ghế, hoành phi, cặp võng), đồ gốm sứ (các loại bát, đĩa, quả bông, đôn), đồ giấy (các loại sách phong, sách, tranh sơn dầu...), đồ kim loại (súng thần công, đạn, kiếm)..., với tổng số gần 350 hiện vật từ các cá nhân trong và ngoài nước. Do vậy, nhiều cổ vật đã được sưu tầm, làm phong phú thêm cho bộ sưu tập của Bảo tàng và phục vụ công tác trưng bày, tăng sự hấp dẫn tại Bảo tàng.

Trong những năm qua, nhiều đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng cao, phục vụ cho công tác quản lý và bảo tồn di sản; một số công trình nghiên cứu đã đạt các giải thưởng trong các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật và công nghệ. Trong 30 năm qua, có hơn 100 đầu sách nghiên cứu về Huế được xuất bản; hơn 80 hồ sơ khoa học về di tích được xây dựng phục vụ cho công tác nghiên cứu và bảo tồn di tích. Nhiều hồ sơ di tích được đệ trình lên các cấp để công nhận là di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia.

Hợp tác quốc tế có vai trò rất quan trọng trong việc tranh thủ kêu gọi và thực hiện các dự án hợp tác quốc tế liên quan đến công tác bảo tồn, trùng tu và phát huy giá trị di sản văn hóa Huế. Thông qua việc đón tiếp nguyên thủ các quốc gia trên thế giới đến thăm và làm việc, tỉnh đã xây dựng mối quan hệ hợp tác với gần 30 nước, tổ chức quốc tế, như: UNESCO, Nhật Bản, Ba Lan, Canada, Pháp, Anh, Mỹ, CHLB Đức, Thái Lan, Bỉ, Hàn Quốc, Hà Lan... để tiến hành các hoạt động nghiên cứu bảo tồn di sản văn hóa Huế, tu bổ di tích và đào tạo nguồn nhân lực cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Huế; đồng thời tiếp thu kỹ thuật tu bổ di tích đạt quy chuẩn quốc tế. Từ năm 1996 đến nay, đã đào tạo được 01 Tiến sĩ và 05 Thạc sĩ ở nước ngoài, 04 Tiến sĩ và 30 Thạc sĩ trong nước, 20 Cử nhân Đại học Nhã nhạc, cùng hàng chục Cử nhân, nghệ nhân, nghệ sĩ ở nhiều chuyên ngành khác nhau..., trở thành lực lượng nòng cốt trong hoạt động bảo tồn di sản.

Với sự hợp tác của nhiều tổ chức, đơn vị trong nước và quốc tế, hàng chục dự án nghiên cứu khoa học, bảo tồn trùng tu và đào tạo nhân lực, phục vụ cho sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản đã được thực hiện. Các chương trình, dự án được phê duyệt đã được các đối tác đánh giá cao, tạo dư luận tốt trong và ngoài nước, được thể hiện qua một số chương trình, dự án tiêu biểu, như: các dự án phối hợp với chuyên gia Cộng hòa Pháp trùng tu thích nghi Nhà hát Duyệt Thị Đường, xử lý và chống mối Hiền Lâm Các; các dự án phối hợp với chuyên gia Ba Lan trùng tu Thế Tổ Miếu, phục hồi Linh Tinh Môn - Văn Miếu, phục hồi nhà bia Thị Học; các dự án phối hợp với chuyên gia Cộng hòa Liên bang Đức trùng tu phục hồi tranh tường cung An Định, miếu Tối Linh Từ, bình phong và khu mộ lăng Tự Đức, trang trí tranh tường Tả Vu - điện Cần Chánh; các dự án phối hợp với chuyên gia Nhật Bản trùng tu Hữu vu; Dự án công nghệ giải trí hiện thực ảo tại Di tích Huế do Công ty công nghệ VR - Hàn Quốc thực hiện...

Phát huy giá trị di sản văn hóa là một hoạt động có tính liên ngành, có tiêu chí chung, với mục đích là phục vụ cho sự tiến bộ của xã hội; góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; đồng thời là nhịp cầu nối với bạn bè năm châu. Cách thức phát huy của mỗi di sản mỗi khác nhau nhưng tất cả các hoạt động này đều phải dựa trên giá trị sẵn có của di sản, làm tôn vinh vẻ đẹp và phát triển các giá trị văn hóa đó.

Di sản văn hóa là yếu tố quan trọng để khai thác, phát triển du lịch. Ngược lại, du lịch cũng mang lại sức sống, góp phần tạo ra nguồn lực để tôn tạo, tu bổ, phát huy giá trị di sản. Nhờ có chính sách quảng bá tốt, lượng khách du lịch đến Huế tăng nhanh qua các năm (không tính năm 2020 và 2021, do ảnh hưởng dịch Covid-19) từ 732.469 lượt (1996) lên 3.420.080 lượt (2019) và nguồn thu cũng tăng lên nhanh chóng từ 16 tỉ đồng (1996) lên gần 400 tỉ đồng (2019). Năm 2022, lượng khách đến Huế tăng trở lại. Chỉ tính tới ngày 30/11/2022, tổng thu vé tham quan tăng 815,87% so với năm 2021. Chính nguồn doanh thu từ vé tham quan đã góp phần rất lớn cho việc tái đầu tư của công cuộc trùng tu di tích cũng như phục vụ đắc lực cho nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho công tác bảo tồn, trùng tu các di sản văn hóa của Cố đô Huế, đóng góp một phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc phát triển du lịch đã làm thay đổi diện mạo và mang lại cho Huế nhiều cơ hội về phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa, việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật được củng cố và tăng cường, đời sống người dân ngày được cải thiện.

Việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản Huế cũng đã được tỉnh quan tâm, đưa vào giáo dục trong trường học, để tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng, niềm tự hào của mỗi người dân trong việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa Huế trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ. Từ năm 2010 đến nay, các trường học trên

địa bàn tỉnh đã tổ chức hơn 300 buổi tham quan di tích lịch sử, di sản văn hóa thuộc Quần thể Di tích Cố đô Huế. Từ đó, vun đắp, củng cố nền tảng, bản sắc văn hóa, sức mạnh dân tộc; khơi dậy lòng tự hào đất nước cho học sinh, sinh viên; khơi dậy khát vọng cống hiến vì một Việt Nam hùng cường, thịnh vượng.

Ngày 10/12/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 54-NQ/TW về *Xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*; trong đó xác định Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế. Thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị, ngày 11/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 42/QĐ-TTg *Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn 2050*. Tiếp đó, ngày 20/10/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 84/2022/NĐ-CP *Về việc thành lập và Quy chế hoạt động của Quỹ bảo tồn di sản Huế*. Đó là những cơ sở pháp lý quan trọng để bảo tồn và phát huy di sản Huế trong thời kỳ mới.

Có thể nói, việc UNESCO công nhận Quần thể di tích cố đô Huế là di sản văn hóa thế giới, đã đem lại một cơ hội lớn để Việt Nam nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng mở rộng giao lưu văn hóa với các nước, chọn lọc bổ sung những yếu tố thích hợp làm phong phú bản sắc văn hóa dân tộc trên con đường hội nhập và phát triển. Di sản Huế đã trở thành một ví dụ tiêu biểu, xuất sắc cho chiến lược ngoại giao văn hóa của Việt Nam.

II. 20 NĂM NHÃ NHẠC - ÂM NHẠC CUNG ĐÌNH VIỆT NAM ĐƯỢC UNESCO CÔNG NHẬN LÀ KIỆT TÁC PHI VẬT THỂ VÀ TRUYỀN KHẨU CỦA NHÂN LOẠI (2003 - 2023)

1. Nhã nhạc - Âm nhạc Cung đình Việt Nam

Di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể được coi là hai bộ phận hữu cơ có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau, tạo nên giá trị di sản văn hóa Huế. Các di sản văn hóa phi vật thể của Huế hết sức phong phú, gồm: lễ nhạc cung đình, múa cung đình, tuồng ngự, thơ văn trên kiến trúc cung đình...

Nhã nhạc - Âm nhạc cung đình Việt Nam là một bộ phận quan trọng trong kho tàng di sản văn hóa nói chung và âm nhạc truyền thống Việt Nam nói riêng, là hạt nhân của bộ phận âm nhạc bác học cổ điển, tiêu biểu cho tài năng sáng tạo, cũng như thể hiện bản sắc của văn hóa Việt Nam.

Nhã nhạc (Âm nhạc cung đình) là một loại hình âm nhạc mang tính bác học, là loại hình âm nhạc chính thống, được xem là quốc nhạc, sử dụng trong các cuộc tế, lễ của triều đình. Các triều đại quân chủ Việt Nam hết sức coi trọng, phát triển Nhã nhạc và loại hình âm nhạc này đã trở thành một biểu tượng cho vương quyền về sự trường tồn, hưng thịnh của triều đại. Các quy định về quy mô dàn nhạc, cách thức diễn xướng, nội dung bài bản... của Nhã nhạc đều rất chặt chẽ, phản ánh tính

quy củ qua các định chế thâm mỹ rất cao, có khả năng phản ánh tư tưởng, quan niệm triết lý của chế độ quân chủ đương thời.

Theo sách sử, Nhã nhạc ra đời vào triều Lý (1010 - 1225) và hoạt động một cách quy củ vào thời Lê (1427 - 1788), là loại hình nhạc mang tính chính thống, với quy mô tổ chức chặt chẽ. Các tổ chức âm nhạc được thành lập, đặt dưới sự cai quản của các nhạc quan. Triều Lê đã định ra các loại nhạc như: Giao nhạc, Miếu nhạc, Ngũ tự nhạc, Cửu nhật nguyệt lai trùng nhạc, Đại triều nhạc, Thường triều nhạc, đại yến nhạc, Cung trung nhạc. Tuy nhiên, vào giai đoạn cuối của triều Lê, âm nhạc cung đình dần dần đi vào thời kỳ suy thoái.

Đến thời Nguyễn (1802 - 1945), vào nửa đầu thế kỷ XIX, điều kiện xã hội đã cho phép âm nhạc cung đình phát triển trở lại. Các thể loại âm nhạc cung đình Huế bao gồm: nhạc lễ nghi thờ cúng và nhạc lễ nghi triều chính, múa cung đình, ca nhạc thính phòng và kịch hát (tuồng cung đình).

Triều đình Nguyễn quy định 7 thể loại âm nhạc, gần giống với các thể loại của triều Lê, bao gồm: Giao nhạc, Miếu nhạc, Ngũ tự nhạc, Đại triều nhạc, Thường triều nhạc, Yến nhạc, Cung trung nhạc. Dưới thời Nguyễn, Nhã nhạc được dùng trong các lễ tế đại triều 2 lần/tháng, thường triều 4 lần/tháng: Nam Giao, Tịch Điền, sinh nhật vua và hoàng hậu. Tế bất thường: Đăng quang, lễ tang của vua và hoàng hậu, đón tiếp sứ thần. Tùy theo từng cuộc tế lễ mà có các thể loại khác nhau, như: Đại triều nhạc dùng trong lễ Nguyên đán, Ban sóc...; Đại yến cửu tấu nhạc dùng trong mừng thọ, chúc thọ, tiếp đãi sứ thần...; Cung trung nhạc biểu diễn trong các cung hoàng thái hậu và thái hoàng thái hậu...; Miếu nhạc sử dụng tại các nơi thờ vua, chúa...; Ngũ tự nhạc dùng trong tế Xã tắc, Tiên nông... Nhã nhạc lúc này có hệ thống bài bản rất phong phú, với hàng trăm nhạc chương (lời ca bằng chữ Hán). Các nhạc chương đều do Bộ Lễ biên soạn phù hợp với từng cuộc lễ của triều đình. Tế Giao có 10 nhạc chương mang chữ Thành (thành công); Tế Xã tắc có 7 nhạc chương mang chữ Phong (được mùa); Tế Miếu có 9 nhạc chương mang chữ Hòa (hòa hợp), Tế Lịch Đại Đế vương có 6 nhạc chương mang chữ Văn (trí tuệ); Lễ Đại triều dùng 5 bài mang chữ Bình (hòa bình); Lễ Vạn thọ dùng 7 bài mang chữ Thọ (trường tồn); lễ Đại yến dùng 5 bài mang chữ Phúc (phúc lành)... Từ cơ sở kế thừa các triều đại trước, triều Nguyễn đã cho bổ sung thêm nhiều loại thể nhạc như Huyền nhạc, Ty trúc tế nhạc, Ty chung, Ty khánh, Ty cổ.

Vào cuối thế kỷ XIX, khi đất nước lâm vào nạn ngoại xâm, vai trò của triều đình mờ dần, thì âm nhạc cung đình cùng các lễ nghi cũng giảm và mờ dần. Vào cuối thời Nguyễn, chỉ còn duy trì hai loại dàn nhạc là: Đại nhạc (gồm trống, kèn, mõ, bông, xập xõa) và Tiểu nhạc (trống bản, đàn tỳ bà, đàn nhị, đàn tam, địch, tam âm, phách tiền). Ngoài ra, triều đình cho du nhập dàn Quân nhạc của phương Tây, làm cho vai trò của Nhã nhạc càng mờ nhạt thêm.

Sau năm 1945, Nhã nhạc đã mất không gian vốn có của nó và có nguy cơ mai một dần. Tuy đã được duy trì và phát triển qua cả nghìn năm, nhưng các tài liệu lịch sử về Nhã nhạc không còn nhiều, lại phân bố ở nhiều nơi, không có một cơ sở lưu trữ bài bản và hệ thống, các nghệ nhân, người hiểu biết về kỹ thuật diễn xướng cũng như kiến thức về Nhã nhạc còn quá ít ỏi...

2. Công tác phục hồi, bảo tồn Nhã nhạc trước khi được UNESCO vinh danh

Từ sau năm 1975, Chính phủ, Bộ Văn hóa - Thông tin và lãnh đạo tỉnh đã có nhiều chủ trương, quyết định để bảo tồn loại hình văn hóa độc đáo này. Ngày 12/02/1996, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 105/TTg *Phê duyệt Dự án Quy hoạch Bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế 1996 - 2010*, trong đó xác định một trong những mục tiêu bảo tồn là bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể cung đình Huế (nhạc cung đình, múa cung đình, tuồng cung đình và lễ hội cung đình).

Năm 1992, Nhà hát Nghệ thuật Cung đình Huế thuộc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế ra đời, chuẩn bị các cơ sở phục vụ cho công tác bảo tồn âm nhạc cung đình Huế. Để đảm bảo có không gian diễn xướng tương ứng theo lịch sử, các công trình như Duyệt Thị Đường, Lương Khiêm Đường, Nam Giao, Thế Miếu được tu bổ. Bên cạnh đó, nhiều chương trình, đề tài nghiên cứu liên quan đến âm nhạc cung đình cũng được triển khai thực hiện.

Tháng 3/1994, tổ chức UNESCO đã phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin và tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức Hội nghị quốc tế về bảo vệ và giữ gìn phục hồi văn hóa phi vật thể vùng Huế. Tiếp đó, nhiều dự án đào tạo đã được Bộ Văn hóa - Thông tin, các Quỹ của UNESCO, Chính phủ Nhật Bản... tài trợ cho các lớp nhạc công, diễn viên ca múa cung đình. Tháng 9/1996, Dự án đào tạo Nhã nhạc đầu tiên ở Việt Nam đã được xây dựng và tổ chức khai giảng tại Trường Đại học Nghệ thuật Huế, với 15 sinh viên theo học các nhạc cụ thuộc dàn Đại nhạc và Tiểu nhạc. Những năm 1997 - 2000, JFAC đã tài trợ để tổ chức các hội nghị, tọa đàm về Nhã nhạc với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu, nhiều nhà quản lý và đào tạo đến từ nhiều nước, như: Nhật Bản, Philippines, Việt Nam... Cuối tháng 8/2002, phối hợp với Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Viện Âm nhạc Việt Nam, Hội thảo Quốc tế về Âm nhạc cung đình Huế - Nhã nhạc, với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, đã được tổ chức nhằm góp phần thúc đẩy công cuộc bảo tồn di sản Nhã nhạc. Bên cạnh đó, Nhà hát Truyền thống cung đình Huế đã bảo tồn được một số bản nhạc, như: 10 bản Ngự (Phẩm tuyệt, Nguyên tiêu, Hồ quảng, Liên hoàn, Bình bán, Tây mai, Kim tiền, Xung phong, Long hổ, Tẩu mã), Long đăng, Long ngâm, Tiểu khúc...; các bản nhạc thường dùng trong dàn Đại nhạc (Tam luân Cửu chuyển, Thái bình Cổ nhạc, Đăng đàn cung, Phú lục, Tẩu mã, Bông, Mã vũ, Mang, Đăng đàn đơn, Đăng đàn kép) cùng một số bài bản khác. Cùng với việc phục hồi các tác phẩm kể trên, Nhà hát Nghệ thuật Cung đình Huế cũng đã tiến hành biểu diễn phục vụ khách đến Huế tham quan, nghiên cứu; đồng

thời tổ chức nhiều đợt tuyên truyền, biểu diễn ở các nước Châu Á, Châu Âu, như: Hàn Quốc, Lào, Pháp, Bỉ, Áo, Úc-xăm-bua; tham gia tích cực các chương trình nghệ thuật trong khuôn khổ của Festival Huế 2000, 2002.

3. 20 năm Nhã nhạc - Âm nhạc Cung đình Việt Nam được UNESCO vinh danh là Di sản thế giới

Trung tuần tháng 8/2002, bộ hồ sơ Nhã nhạc đã được thực hiện và gửi đến UNESCO, đăng ký ứng cử vào Danh mục Kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu nhân loại. Hồ sơ Nhã nhạc bao gồm trên 100 trang (hồ sơ viết) và gần 100 trang phụ lục, trên 50 ảnh tư liệu và hiện trạng, phim slide, băng hình thuyết minh (10 phút), băng hình minh họa (70 phút), cùng nhiều tài liệu liên quan khác. Hồ sơ đã khẳng định Nhã nhạc là loại hình âm nhạc cung đình đạt đỉnh cao vào thế kỷ XIX ở Việt Nam, Huế là trung tâm hội tụ và lan tỏa các giá trị này. Với các giá trị của không gian, bối cảnh, các kỹ năng kỹ thuật, cách thức diễn xướng, trình tấu, vị thế mang tính chất khẳng định bản sắc văn hóa, thực trạng của công cuộc bảo tồn và chương trình hành động...

Với tất cả giá trị ấy, ngày 07/11/2003, Nhã nhạc Việt Nam đã được UNESCO ghi tên vào Danh mục Kiệt tác phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại, cùng với 27 kiệt tác khác của Châu Á (10); Châu Mỹ La tinh, vùng Caribê (6); Châu Âu (4); Châu Phi (2); vùng Trung Đông (3), Đa quốc gia (2).

Năm 2004, Nhà hát Nghệ thuật Cung đình Huế đã đi biểu diễn Nhã nhạc cung đình tại các thành phố Montreuil, Arras, Areueil, Lyon, Marseille, thủ đô Paris (thuộc Cộng hòa Pháp) và thủ đô Bruxelles (thuộc Vương quốc Bỉ). Trong đợt lưu diễn này, tại văn phòng UNESCO (Pháp), bằng chứng nhận Di sản Nhã nhạc Việt Nam là Kiệt tác Phi vật thể và Truyền khẩu của Nhân loại đã được UNESCO trao cho Huế.

Sau khi Nhã nhạc được UNESCO vinh danh, hoạt động sưu tầm, nghiên cứu và lưu trữ các tài liệu liên quan đến Nhã nhạc đã được thực hiện và triển khai một cách bài bản với những mục tiêu rõ ràng. Trước hết, một số cán bộ nghiên cứu và những người liên quan được tham dự các khóa tập huấn đào tạo phương pháp luận về nghiên cứu, lưu trữ; trực tiếp tham quan, học hỏi và trao đổi kinh nghiệm tại các viện nghiên cứu, trung tâm lưu trữ quan trọng của Việt Nam, như: Viện Âm nhạc, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Cục Lưu trữ quốc gia...; tham quan các làng nghề truyền thống ở miền Bắc và phỏng vấn các nghệ nhân nổi tiếng tại đây. Công tác sưu tầm, lưu trữ các hồ sơ khoa học, các tài liệu liên quan đến Nhã nhạc (Bao gồm các băng đĩa ghi hình, ghi âm phỏng vấn hàng chục lượt nghệ nhân và nhân chứng sống có liên quan đến Nhã nhạc) được thực hiện nghiêm túc, xây dựng thành những hồ sơ khoa học, như: *“Điều tra và lập danh mục Hồ sơ khoa học các nghệ nhân, nghệ sĩ tiêu biểu về Nhã nhạc, tuồng, múa cung đình ở Huế và các vùng phụ*

cận”, “*Bài bản Nhã nhạc Tam Thiên*”, “*Bài bản Nhã nhạc Phúc lục dịch*”, “*Bài bản Nhã nhạc Cung ai*”, “*Trình thức ca Thài trong tế Nam Giao*”, “*Nhạc khí cung đình Triều Nguyễn*”, “*Thái Bình cổ nhạc*”, “*Xây dựng cơ sở dữ liệu về các bài bản âm nhạc cung đình Huế*”... Qua các hoạt động điền dã, một khối lượng lớn các tài liệu đã được thu thập và phân tích, phân loại nhằm phục vụ cho mục đích nghiên cứu, đào tạo, quảng bá, đồng thời lưu giữ phục vụ cho công tác nghiên cứu phục hồi các giá trị di sản của Nhã nhạc cung đình Huế.

Công tác đào tạo nhạc công Nhã nhạc trẻ và tập huấn nâng cao kỹ năng biểu diễn Nhã nhạc là một trong những hoạt động nhằm xây dựng những nền tảng vững chắc cho việc nghiên cứu, tư liệu hóa và truyền dạy các kỹ năng về Nhã nhạc cho thế hệ trẻ, đồng thời nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của di sản này ở các cấp độ địa phương, quốc gia và quốc tế. Năm 2005, khóa đào tạo nhạc công Nhã nhạc do các giáo sư, nghệ nhân, nghệ sĩ có uy tín trực tiếp lên chương trình và giảng dạy, như: cô GS.TS Trần Văn Khê, GS.TS Tô Ngọc Thanh, PGS.TS Hà Sâm, cô nghệ nhân dân gian Trần Kích, nghệ nhân Trần Thảo, nhà giáo Nguyễn Đình Sáng (nguyên Hiệu trưởng Trường Trung cấp VHNT tỉnh), nhà Huế học Nguyễn Xuân Hoa... cùng một số nghệ sĩ Nhã nhạc có tên tuổi của Huế đã được tổ chức, đào tạo cho 20 người, với các chuyên ngành: đàn tam, đàn tỳ bà, đàn nhị, đàn nguyệt, kèn sáo, trống... Đây là khóa đào tạo đặc biệt, được đào tạo theo hình thức truyền khẩu từ các nghệ nhân (truyền nghề, truyền ngón theo dạng một thầy, một trò) và được dạy ký - xướng âm theo kiểu truyền thống (Họ, Xự, Xàng, Xê, Công...). Nhiều học viên có năng khiếu xuất thân từ các gia đình nghệ nhân truyền thống được tuyển chọn, đào tạo để trong tương lai gần họ sẽ là những người kế cận cho loại hình nghệ thuật diễn xướng này. Ngoài công tác đào tạo, các nghệ nhân có tên tuổi cũng đã được mời để truyền dạy về các kỹ năng trình diễn và trao truyền các bí kíp nghề nghiệp. Các nghệ nhân Nhã nhạc đều được quan tâm với nhiều chính sách ưu đãi.

Với mục đích nâng cao nhận thức trong công chúng về các giá trị của di sản văn hóa phi vật thể, công tác biểu diễn và quảng bá nhằm phát huy giá trị di sản Nhã nhạc cung đình Huế cũng được chú trọng. Nhã nhạc đã được tổ chức biểu diễn hàng ngày tại Nhà hát Duyệt Thị Đường (Đại Nội - Huế) để giới thiệu đến du khách trong và ngoài nước về những giá trị di sản đặc sắc của Nhã nhạc. Bên cạnh đó, đã tổ chức nhiều đợt biểu diễn Nhã nhạc tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và nhiều tỉnh, thành trong cả nước nhân dịp các sự kiện lớn của quốc gia và địa phương được tổ chức; tham gia các festival và chương trình giao lưu nghệ thuật tại một số quốc gia Châu Âu và Châu Á, như: Pháp, Bỉ, Thụy Sĩ, Ý, Tây Ban Nha, Đức, Áo, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Lào..., để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp trong lòng bạn bè quốc tế. Đặc biệt, các tiết mục Nhã nhạc cũng góp phần làm nên thành công của các kỳ Festival Huế qua các chương trình nghệ thuật hoặc phục

dựng nghi lễ đặc sắc, như: Đêm Hoàng Cung, Lễ tế Nam Giao, Lễ hội thi Tiên sỹ Võ, Lễ tế Xã Tắc, Lễ Truyền lô, Huyền thoại sông Hương, Hành trình mở cõi, Thiên hạ Thái bình, Văn hiến Kinh kỳ...

Sau khi Nhã nhạc được UNESCO vinh danh, các hoạt động nâng cao nhận thức của học sinh tại nhà trường cũng được quan tâm, thông qua các buổi nói chuyện có minh họa hình ảnh và tiết mục biểu diễn của cô GS.TS. Trần Văn Khê dành cho sinh viên, học sinh các cấp ở thành phố Huế (Trường Thống Nhất, Nguyễn Tri Phương, Nhà văn hóa thiếu nhi Huế, Trường Cao đẳng Sư phạm Huế, Trường Đại học Nghệ thuật và Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế...). Nhà hát Nghệ thuật truyền thống Cung đình Huế cũng tạo điều kiện cho học sinh các trường học trên địa bàn tỉnh trực tiếp tham gia vào các buổi tập huấn về Nhã nhạc và các loại hình diễn xướng cung đình khác. Phối hợp tổ chức tọa đàm, tập huấn dành cho giáo viên một số trường tiểu học nhằm cung cấp kiến thức về Nhã nhạc và phương pháp giảng dạy âm nhạc truyền thống cho các giáo viên dạy nhạc, hướng dẫn giáo viên phương pháp để học sinh có thể lĩnh hội và cảm nhận được giá trị âm nhạc truyền thống, đặc biệt đối với Nhã nhạc.

Các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị Nhã nhạc đã được tích cực tuyên truyền, quảng bá rộng rãi đến công chúng trong và ngoài nước. Đã phối hợp với các cơ quan truyền thông báo chí xây dựng các phim tài liệu để phát trên sóng truyền hình, như: thực hiện 01 phim tài liệu về lịch sử và giá trị Nhã nhạc 20 phút phát trên sóng HTV và phát lại trên VTV1; 01 phim tư liệu dài 52 phút tập hợp một số ý kiến và bình luận về công tác bảo tồn phát huy Nhã nhạc phát trên HTV và VTV1. Phối hợp thực hiện một số phim phóng sự ngắn về các hoạt động của Dự án Nhã nhạc để phát trên sóng TRT, HTV, VTV1, VTV3, VTV4; thực hiện 01 đĩa phim giới thiệu một số tiết mục biểu diễn Nhã nhạc và Múa Cung đình chọn lọc, có phụ đề tiếng Anh và tiếng Pháp... Năm 2008, Bộ Thông tin - Truyền thông đã phát hành Bộ tem Nhã nhạc cung đình Huế, gồm 3 mẫu và một tem khối giới thiệu tổng quan về Nhã nhạc cung đình thông qua các phác họa những nhạc cụ, y phục, môi trường diễn xướng của thể loại âm nhạc này cùng với hình ảnh của dàn Đại nhạc, Tiểu nhạc và điệu múa Lục cúng Hoa đăng...

Có thể thấy, sau 20 năm, việc bảo tồn, phát huy Nhã nhạc - Kiệt tác Di sản phi vật thể và Truyền khẩu của Nhân loại tại Thừa Thiên Huế đã thu được những thành quả rất đáng tự hào. Không chỉ là vốn quý, tài sản của dân tộc, Nhã Nhạc còn là một trong những minh chứng điển hình, đại diện cho khu vực Đông Nam Á về loại hình âm nhạc cổ xưa còn sót lại.

III. TIẾP TỤC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY DI SẢN THỂ GIỚI NHẪM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THỪA THIÊN HUẾ TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG THEO HƯỚNG DI SẢN, VĂN HÓA, SINH THÁI, CẢNH QUAN, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Di sản văn hóa là bộ phận quan trọng cấu thành nên văn hóa của mỗi quốc gia dân tộc. Những giá trị văn hóa đọng lại trên các di sản văn hóa là những bằng chứng về sự trường tồn của cái đẹp, của quá khứ đối với hôm nay và ngày mai. Việc quản lý, giữ gìn và phát huy các di sản văn hóa không những phải đảm bảo sự vẹn toàn các giá trị của thế hệ đi trước để lại mà quan trọng hơn là phải xây dựng niềm tự hào dân tộc, khơi dậy nguồn sức mạnh nội sinh cho quá trình phát triển bền vững của đất nước. Trong khuynh hướng chung đó, các di sản văn hóa Huế có vai trò quan trọng, là điểm hội tụ tinh hoa văn hóa dân tộc, là nơi gặp gỡ giao lưu các luồng văn minh nhân loại.

Có thể nói, để tiếp tục phát huy vai trò, vị thế của một trong những đô thị Di sản đặc thù, đặc biệt trong mối tương quan hợp lý với các thành phố lớn (Hà Nội - Huế - thành phố Hồ Chí Minh), để xứng tầm là trung tâm du lịch, Thừa Thiên Huế tiếp tục xây dựng và phát triển trên cơ sở khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế, nhất là sự kết hợp hài hòa giữa di sản văn hóa, lịch sử đặc sắc, phong phú với cảnh quan tự nhiên và con người Huế. Bên cạnh đó, cần phải giải quyết tốt mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và phát triển giá trị di sản văn hóa; giữa bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản để phát triển du lịch theo hướng “*Di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường*”; tập trung thực hiện có hiệu quả các giải pháp thiết thực sau đây:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy di sản văn hóa Huế nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Tích cực vận động nhân dân tham gia công tác bảo vệ, phát huy giá trị di tích, xử lý nghiêm minh các hành vi lấn chiếm đất đai, xâm phạm di tích... Tăng cường đưa chương trình giáo dục di sản vào giảng dạy trong nhà trường với nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

Thứ hai, đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác quốc tế trong quản lý di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Tranh thủ UNESCO tham vấn phát triển du lịch bền vững tại địa phương, đầu tư hỗ trợ phát triển cộng đồng và phát triển văn hóa địa phương trong quá trình xây dựng các chiến lược phát triển di sản bền vững hướng người dân, cộng đồng xã hội tham gia trực tiếp vào công tác bảo tồn di sản văn hóa, dịch vụ du lịch tại Khu di sản Huế, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi và cuộc sống của người dân.

Thứ ba, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích và phát triển du lịch. Tạo dựng hệ thống thông tin, các công cụ tiện ích phục vụ khách du lịch, doanh nghiệp du lịch - dịch vụ; đẩy mạnh số hóa dữ liệu di sản, tạo thêm các sản phẩm, dịch vụ du lịch thông minh và nâng cao hiệu quả công tác quảng bá, xúc tiến thị trường và đáp ứng yêu cầu về đổi mới phương thức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà

nước; góp phần thúc đẩy ngành du lịch Thừa Thiên Huế tăng trưởng và phát triển bền vững.

Thứ tư, tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các loại hình sản phẩm du lịch, nhất là các sản phẩm chủ lực, mang tính đại diện và thương hiệu cao. Phát triển du lịch thông minh gắn với hệ sinh thái đô thị thông minh. Tăng tiện ích cho khách du lịch, tập trung dịch vụ thuyết minh tự động (Audio guide/ minh họa qua quét QR) phục vụ khách du lịch tham quan Quần thể di tích Cố đô Huế và các điểm đến khác; hệ thống xe đạp thông minh; giải trí thực tế ảo VR, VR 360, thực tế ảo tăng cường; trang bị hạ tầng du lịch thông minh; các ki-ốt cung cấp thông tin và xây dựng các ứng dụng du lịch thông minh; đẩy mạnh giao dịch không dùng tiền mặt, triển khai vé điện tử... để tạo tiện ích và trải nghiệm cho khách du lịch khi đến Huế. Đẩy mạnh chuyển đổi số đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị di tích và quản lý dịch vụ du lịch với phương châm: quản lý thông minh, trải nghiệm thông minh và quảng bá thông minh.

Thứ năm, tranh thủ các bộ, ngành, cơ quan Trung ương trong việc đề xuất các cơ chế đặc thù cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản Huế; cập nhật thông tin của Di sản Huế thông qua bản đồ trực tuyến để truyền thông tạo thương hiệu điểm đến “*An toàn - Xanh - Sạch*” đối với di tích Huế nhằm duy trì và tăng cường giới thiệu quảng bá hình ảnh về khu di sản Huế và các biện pháp bảo vệ di sản, thúc đẩy phát triển du lịch bền vững; phối hợp đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá, chia sẻ thông tin và hình ảnh Di sản và du lịch Huế ở nước ngoài.

Thứ sáu, phối hợp tổ chức hội nghị trực tuyến về thí điểm mở cửa du lịch quốc tế ở các khu di sản; tổ chức các cuộc triển lãm trực tuyến; các cuộc thi trực tuyến về Di sản thế giới tại Việt Nam hoặc cuộc thi ảnh về các Di sản UNESCO trong đó có kết hợp giới thiệu về Di sản thế giới Huế.

*

Với bề dày lịch sử hơn 700 năm hình thành và phát triển, Thừa Thiên Huế là địa phương hội đủ nhiều tiềm năng, thế mạnh cho sự phát triển nhanh và bền vững. Thừa Thiên Huế tự hào là nơi gìn giữ một “*gia tài*” văn hóa tiêu biểu của Việt Nam và nhân loại với 7 di sản được UNESCO công nhận, gần 1.000 di tích lịch sử văn hóa của cả nước, với hơn 500 lễ hội, hàng vạn hiện vật, cổ vật quý hiếm; có hệ thống nhà vườn, nhà rường phong phú, đa dạng; có cảnh quan thiên nhiên thơ mộng, hùng vĩ, như: sông Hương, núi Ngự, đầm phá Tam Giang, vườn quốc gia Bạch Mã, Lăng Cô vịnh đẹp thế giới... cùng với hệ thống đền đài, thành quách, chùa chiền, cung điện... đã tạo nên nét đặc trưng riêng và là yếu tố nổi bật của đô thị Huế. Ngoài ra, nếp sống, văn hóa ứng xử, đạo đức và cốt cách con người Huế là nét đặc trưng tạo nên bản sắc riêng của vùng đất Cố đô.

Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa của dân tộc, trong đó có các di sản văn hóa thế giới Quần thể di tích Cố đô Huế và Nhã nhạc - Âm nhạc cung đình cùng với phát huy giá trị văn hóa Huế, con người Huế đang thực sự trở thành nguồn lực nội sinh, động lực đột phá cho sự phát triển bền vững của Thừa Thiên Huế. Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đang nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để phát huy vị thế Huế là trung tâm văn hóa, du lịch đặc sắc của Việt Nam. Qua đó, góp phần cùng cả nước xây dựng nền văn hóa Việt Nam thống nhất và đa dạng, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời đại mới./.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY - TRUNG TÂM BẢO TÒN DI TÍCH CỐ ĐÔ HUẾ